TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 03/2021/ HNGĐ - ST
Ngày 15 - 01 - 2021.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy – Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2020 Thông báo mở lại phiên tòa số: 49/TBXX ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/TBXX ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị L, sinh năm 1981.

Bị đơn: Anh Kiều Trọng P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vương Thị L trình bày:

Chị Vương Thị L và anh Kiều Trọng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) vào ngày12/02/2004 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị L và anh P

đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung là cháu Kiều Hải A, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005. Ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hải Anh, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ anh Kiều Trọng P trình bày:

Về hôn nhân*:* Anh P thống nhất với chị L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, chị L cho rằng anh P ít quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh P thống nhất với chị L về con chung, vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Nếu ly hôn anh P đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Kiều Hải A. Anh P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/ tháng.

Về chia tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Kiều Trọng P có hộ khẩu thường trú tại tổ 10, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị Vương Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh Kiều Trọng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vương Thị L và anh Kiều Trọng P có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh P đều thừa nhận vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh P vắng mặt, không có lý do thể hiện anh P không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời

sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung là cháu Kiều Hải A, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005. Khi ly hôn chị L và anh P thống nhất để chị L trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hải A, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hải A 3.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu Hải A đủ 18 tuổi. Xét thấy: Đề nghị của chị L, anh P phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vương Thị L được ly hôn anh Kiều Trọng P.

2. Về con chung: Giao cho chị Vương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều Hải A, sinh ngày 17/01/2005. Anh Kiều Trọng P cấp dưỡng nuôi cháu Hải A 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Hải Anh đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Kiều Trọng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh P chậm thi hành, thì hàng tháng anh P còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006557 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh Kiều Trọng P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con (Anh P chưa nộp)

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vương Thị L, anh Kiều Trọng P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã S. huyện Ư, TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến